

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Lưu Thị Thu Hiền*

*ThS. Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Received: 20/4/2023; Accepted: 28/4/2023; Published: 11/5/2023

Abstract: Human resources - an endogenous factor that plays a decisive role in the development of a country. Improving the quality of human resource training is always concerned by educational institutions. With mission of bringing opportunities and a training environment, quality scientific research, prestige in the field of applied education, technology, economic and social engineering professional training, professional skills for teachers and workers to meet national and international standards, Vinh University of Technology Education Vinh is innovating day by day, striving to become the top application-oriented university in the world Vietnam in technology education, doing well in vocational training for workers, meeting the market's requirements for high-quality human resources.

Keywords: Human resources; Improve quality; Vinh University of Technology Education; Vocational

1. Đặt vấn đề

Nguồn lực con người là tổng hợp các yếu tố thể chất, tinh thần của con người. Các hoạt động vật chất, tinh thần của họ đã, đang và sẽ tạo ra sức mạnh thúc đẩy sự phát triển xã hội. Phát huy nguồn lực con người chính là phát huy tất cả các khả năng, trí tuệ và phẩm chất của con người trong sự phát triển kinh tế - xã hội, qua đó làm gia tăng giá trị của chính bản thân họ. Chất lượng nguồn nhân lực chính là yếu tố quyết định sự phát triển vững chắc của mỗi quốc gia và phụ thuộc rất nhiều vào quá trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng nguồn nhân lực và đào tạo nhân lực ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng với nguồn lao động dồi dào, cơ cấu lao động trẻ. Việc thực hiện Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được triển khai sâu rộng, thực hiện nhiều giải pháp, chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng. Nguồn nhân lực của đất nước được tăng cường cả về quy mô và chất lượng. Nhân lực chất lượng cao cũng tăng đáng kể, trong đó có một số ngành đạt trình độ khu vực và quốc tế như y tế, cơ khí, công nghệ, xây dựng. Năm 2019, dân số nước ta có khoảng 96,5 triệu người, trong đó, lực lượng lao động là 55,76 triệu người. Đến năm 2021, quy mô dân số cả nước ước đạt 98,5 triệu người,

trong đó, lực lượng lao động là 50,56 triệu người [4,9]. Trung bình mỗi năm có khoảng 500.000 người gia nhập lực lượng lao động, riêng năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, lực lượng lao động giảm đi đáng kể. Chuyển dịch cơ cấu lao động đã có sự tương ứng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước. Tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tăng đáng kể, từ 38,3 % năm 2019 lên 39,3 % năm 2021[4,11]; giảm dần tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, từ 29,2 % năm 2019 còn 27,9 % năm 2021. Tỷ trọng lao động trong công nghiệp – xây dựng từ 32,5 % năm 2019 tăng lên 32,8 % năm 2021[4, 7]. Xu hướng này phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Chất lượng lao động cũng được tăng lên. Lao động qua đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Ở một số vị trí việc làm phức tạp, lao động nước ta đã làm chủ được công nghệ, hạn chế thuê chuyên gia nước ngoài. Năng suất lao động của Việt Nam tăng đều và được đánh giá là quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong khu vực Asean.

Chúng ta có nhiều lợi thế về lao động, nhưng tương lai không xa, với tình trạng già hóa dân số, lợi thế lao động trẻ sẽ mất đi, thị trường lao động sẽ đứng trước nhiều khó khăn. Chất lượng của lao động có sự cải thiện, nhưng số lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật còn khá khiêm tốn với 26,1% (năm 2021) trong khi đó, số lao động không có chuyên môn kỹ thuật chiếm đến 73,9% (năm 2021), chưa đáp ứng được yêu cầu của khoa học công nghệ và hội nhập. Nhiều cơ sở đào tạo chưa thực sự quan tâm đến nhu

cầu của thị trường nên chương trình vẫn mang nặng tính hàn lâm. Hệ thống nhà xưởng thực hành cũ dẫn đến chất lượng thực hành chưa cao. Việc chuyển biến dạy và học theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn khu vực và thế giới của nhiều đơn vị đào tạo còn chậm. Bên cạnh đó, khá nhiều sinh viên (SV) không có định hướng về nghề nghiệp dẫn đến tình trạng hời hợt trong học tập. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, họ thiếu đam mê, gán bó với công việc; không đáp ứng được yêu cầu cao về cường độ, quy định nghề nghiệp và nảy sinh tâm lý chán nản, bỏ việc...

Tại cuộc làm việc với Bộ Lao động, thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, các thành viên Ủy ban Xã hội cho rằng, các chính sách phát triển thị trường lao động thiếu đồng bộ, chưa thống nhất giữa các chính sách tăng trưởng kinh tế và việc làm, thị trường lao động. Chưa kịp thời có những giải pháp ứng phó với thay đổi trên thị trường lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động trên thị trường còn chậm về cả ngành nghề, địa bàn..., không theo kịp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chất lượng việc làm còn thấp. Hệ thống thông tin thị trường lao động Việt Nam chưa hoàn thiện. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động. Trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động mặc dù được cải thiện trong thời gian qua, song vẫn còn thấp so với yêu cầu của thị trường lao động và so với các nước trên thế giới, tiếp tục là điểm nghẽn trong phát triển việc làm.

Việc thừa thầy thiếu thợ xảy ra lâu nay nhưng vẫn chưa giải quyết được một cách triệt để. SV tốt nghiệp có năng lực chuyên môn chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; việc làm trái ngành nghề còn nhiều; SV còn yếu về ngoại ngữ và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm, kỹ năng khởi nghiệp... Chất lượng giáo dục đại học còn thấp và không đáp ứng nhu cầu kỹ năng của thị trường lao động. Khoảng 1/3 số SV được nhận vào làm việc có kiến thức cùng năng lực khá và tốt trong một số tiêu chí như kiến thức chuyên môn nghề, kỹ năng thực hành nghề, kỹ năng làm việc độc lập, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề, năng lực thích ứng, năng lực làm việc theo tổ nhóm, tác phong lao động công nghiệp, năng lực giao tiếp xã hội... Đại đa số doanh nghiệp đánh giá học sinh học nghề đạt mức trung bình trở lên.

2.2. Giải pháp thiết thực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh

Nhận thức được vai trò của nguồn nhân lực đối

với sự phát triển của đất nước và địa phương, nhiệm vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh quan tâm. Chất lượng đào tạo nhân lực trong những năm qua được nâng lên rõ rệt về kiến thức và kỹ năng. Theo đợt xét tốt nghiệp tháng 9/2020, số SV đạt loại giỏi chiếm 0,5%, loại khá chiếm 36,97% trên tổng số SV tốt nghiệp. Đợt xét tháng 9/2021, số SV đạt loại giỏi chiếm 0,9%, loại khá chiếm 39,82% trên tổng số SV tốt nghiệp. Đến đợt xét tháng 9/2022, số SV đạt loại giỏi là 1,32%, loại khá chiếm 76,32%. Số SV tốt nghiệp khá, giỏi tăng lên mỗi năm chính là sự ghi nhận những nỗ lực của nhà trường trong đào tạo nghề. SV tích cực tham gia hoạt động để rèn luyện các kỹ năng cần thiết. Hàng năm, nhà trường giới thiệu việc làm cho hàng trăm SV với mức lương khởi điểm từ 7 triệu đồng/tháng. Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện kết nối cho hàng trăm SV có nguyện vọng xuất khẩu lao động sau khi tốt nghiệp với mức lương hàng chục triệu đồng/tháng... Đó là kết quả hình thành từ tâm huyết của bao thế hệ giảng viên (GV), sự nỗ lực của SV và đặc biệt là những giải pháp thiết thực của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ nhất, sự thay đổi về phương thức đào tạo. Cùng với sự phát triển của công nghệ 4.0, cách đào tạo đã có sự thay đổi - đào tạo theo học chế tín chỉ. Việc lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo đã tạo ra bước ngoặt lớn, thay đổi cách dạy, cách học truyền thống sang cách đào tạo trao quyền chủ động cho người học đã có những hiệu quả nhất định.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo của các hệ, các ngành cũng có sự chỉnh sửa phù hợp với xu thế, giảm bớt tính hàn lâm về mặt kiến thức, tăng nội dung chuyên ngành và kết hợp song song lý thuyết – thực hành. Nắm bắt được tâm lý của người học, nhà trường đã bố trí cho SV sớm tiếp cận với nhà xưởng thực hành ngay trong năm học đầu tiên với thời lượng 03 tuần/học phần. Các năm tiếp theo, nhà trường tiến hành giảng dạy song song lý thuyết và thực hành. Điều này đã tạo sự hứng khởi nhất định đối với SV, bởi lẽ, đối với môi trường đào tạo khối ngành kỹ thuật thì thực hành đóng vai trò rất quan trọng.

Thứ hai, nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong dạy và học. Việc trang bị đầy đủ phòng học, xưởng thực hành... cũng như áp dụng thành tựu của khoa học công nghệ vào dạy và học là điều tất yếu. Hiện nay, nhà trường có 55 phòng học lý thuyết, 21 phòng học đa phương tiện, 19 phòng thí nghiệm, 14 phòng

thực hành, 55 xưởng thực tập, trung tâm thư viện điện tử hiện đại với 10 phòng đọc, ngoài ra nhà trường còn có 202 phòng chức năng khác. Về cơ bản, cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập.

Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Vinh luôn chú trọng việc nâng cấp máy móc trong giảng dạy, đặc biệt là thực hành. Các GV luôn trau dồi kiến thức, đổi mới phương pháp và ứng dụng khoa học công nghệ vào giảng dạy, nhất là giờ thảo luận chủ đề. Điều này góp phần không nhỏ vào việc trang bị các kỹ năng cần thiết cho SV. Với hệ thống nhà xưởng và máy móc có sẵn đủ đáp ứng nhu cầu học tập, tìm hiểu của SV trong các học phần thực hành. SV được chia thành các nhóm nhỏ để học tập, thực hiện nghiêm kỷ luật giờ thực hành góp phần rèn giữa tác phong công nghiệp. GV luôn nhắc nhở SV bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, giúp các em ý thức được trách nhiệm của bản thân ngay từ những việc nhỏ nhất. Các khoa rà soát chất lượng máy móc thực hành và báo cáo tình hình với phòng ban phụ trách đảm bảo thường xuyên, kịp thời và chính xác.

Thứ ba, nhà trường tạo môi trường học tập thân thiện, sinh hoạt phong phú, thu hút SV tham gia. Cùng với đổi mới phương thức đào tạo, nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi tay nghề, thi Robocon giữa các khoa, các ngành; hình thành các câu lạc bộ SV, như: câu lạc bộ tiếng Anh (Cevute), câu lạc bộ máu sống, câu lạc bộ sắc xanh tình nguyện, câu lạc bộ võ thuật... thu hút hàng trăm lượt SV tham gia giao lưu học tập và rèn luyện.

Nhà trường tạo môi trường học tập thoải mái về tâm lý, có sự hướng dẫn, quan tâm chu đáo của các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập giúp SV làm quen với đào tạo tín chỉ. Sự kết nối giữa nhà trường với SV và gia đình được tăng cường, sâu sát hơn nhờ hoạt động của giáo viên chủ nhiệm. Với phương châm, “trường là nhà”, nhà trường cùng với đội ngũ GV đã tạo nên một môi trường đào tạo thân thiện, gần gũi đối với các em SV.

Thứ tư, nhà trường tăng cường kết nối, giải quyết việc làm cho SV. Một trong những vấn đề mà SV đặc biệt quan tâm đó chính là có việc làm phù hợp, ổn định sau khi tốt nghiệp. Nắm bắt được tâm lý đó, nhà trường luôn kết nối với các doanh nghiệp, các khu công nghiệp trong một số hoạt động và giới thiệu việc làm cho SV. Hàng năm, quỹ học bổng Toyota vẫn dành các suất quà giá trị tặng cho các SV tiêu biểu, SV vượt khó. Nhiều doanh nghiệp đặt hàng với nhà trường về nguồn lao động chất lượng. Đến nay, nhà

trường đã ký kết giới thiệu, cung ứng lao động cho 23 doanh nghiệp trong toàn quốc. Mức lương khởi điểm đối với SV mới tốt nghiệp thường dao động ở mức 7 - 8 triệu đồng/tháng. Hàng năm, nhà trường có khoảng 1600 - 1700 SV tốt nghiệp, trong đó, hơn 85% SV có việc làm sau 6 tháng, khoảng 60% SV làm việc ổn định tại các doanh nghiệp kết nối với nhà trường. Với cam kết giới thiệu việc làm cho 100% SV tốt nghiệp, nhà trường đã góp phần giúp SV và gia đình họ yên tâm khi lựa chọn học tập nơi đây.

3. Kết luận

Trong những năm qua, việc đổi mới mô hình đào tạo và điều chỉnh chương trình học của Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Chất lượng đào tạo nghề cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất với công nghệ hiện đại. Chuyên môn và kỹ năng của người lao động ngày càng được nâng lên, đa số SV sau một thời gian đào tạo chuyên sâu của công ty đều nhanh chóng tiếp cận và làm chủ thiết bị hiện đại. Với bề dày hơn 60 năm, nhà trường đã và đang làm rất tốt hoạt động đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực cho xã hội. Truyền thống, kinh nghiệm và những giá trị cốt lõi trong chặng đường dài phát triển sẽ là nền tảng để nhà trường vươn xa hơn, xứng đáng là môi trường đào tạo nghề mang tầm khu vực trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2015), *Luật việc làm 2013*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*;
3. Viện Khoa học Giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020*, Hà Nội.
4. Tổng cục thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2021, Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Hà Nội.
5. Bạch Ngọc Thắng (Đồng chủ biên), Lê Quang Cảnh (Đồng chủ biên); Vũ Hoàng Đạt, Lý Đại Hùng, Nguyễn Việt Hưng và Trần Ngọc Diệp (2020), *Việc làm và gia nhập thị trường lao động của giới trẻ”- Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.